TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 11/2025/DS - PT Ngày: 26/02/2025 *"Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quang Năng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Ngân, Ông Bùi Văn Lam.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh L - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 33/2024/TLPT – DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐ-PT ngày 08/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ-PT ngày 22/01/2025, Thông báo mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm số 08/TB-TA ngày 10/02/2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 14/TB-TA ngày 14/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số A, đường P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Vân A; sinh năm: 1998; Địa chỉ: Số E, đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hương T1; sinh năm: 1963; Địa chỉ: tổ dân phố A, xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vương Thị D; sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu C; sinh năm: 1973; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Tuyết L1; sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số D, đường P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Tuyết .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị Vân A - là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Hương T1 có mối quan hệ gần gũi, mẹ của bà T và bố của bà T1 là anh, em ruột. Ngày 8/3/2019, bà Nguyễn Thị Hương T1 đã mượn của bà T số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), không tính lãi, thời hạn mượn tiền là 03 tháng thể hiện qua giấy mượn tiền do bà T1 ký tên. Bà T1 cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền mượn theo đúng thời gian cam kết. Tuy nhiên, từ thời điểm mượn tiền đến nay đã hơn 4 năm, sau nhiều lần bà T liên hệ yêu cầu bà T1 trả lại số tiền đã mượn trên nhưng bà T1 vẫn không chịu trả tiền cho bà T.

Nhận thấy hành vi vi phạm trên của bà T1 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Từ thời điểm đó đến nay, bà T chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ bà T1. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H Trả trả lại số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) mà bà Vương Thị D đã chuyển vào tài khoản của con bà T là chị Trần Thị Tuyết L1 như lời khai của bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C không liên quan đến khoản vay giữa bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Hương T1. Đó là khoản trả tiền lãi vay liên quan đến khoản vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) mà vợ chồng bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C vay bà T.

Tại đơn phản tố, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 trình bày:

Ngày 8/3/2019, sau khi vợ chồng bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C điện thoại cho bà Nguyễn Thị T để hỏi vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) thì được bà T đồng ý. Do vợ chồng bà D, ông C sinh sống và làm việc tại Bình Dương không về được nên hai bên thống nhất là nhờ bà Nguyễn Thị Hương T1 đến nhận tiền hộ rồi chuyển vào tài khoản cho vợ chồng bà D, ông C. Khi được cả hai bên là bà D và bà T nhờ, vì tin tưởng và nghĩ là chị, em trong gia đình nên bà T1 đồng ý lên nhận thay để chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho bà D. Khi đến nhận tiền hộ thì bà T có yêu cầu bà T1 ký vào một tờ giấy do bà T đánh mẫu sẵn, chỉ điền các thông tin còn thiếu, khi phát hiện nội dung mẫu giấy vay tiền thì bà T1 đã thắc mắc với bà T là bà T1 chỉ nhận hộ tiền cho vợ chồng bà D, ông C, còn bà T1 không vay mượn tiền gì của bà T. Khi đó bà T có nói là khoản tiền vay này không liên quan gì đến bà T1 và đồng ý ghi thêm vào mục tên tôi là (nghĩa là bên vay tiền): Nguyễn Thị Hương T1 (nhận cho Dung C1). Tuy nhiên, nội dung "nhận cho Dung C1" sau này bà T đã ghi chèn lên phía trên một từ "vay" thành "nhận vay cho Dung C1", vì giấy này chỉ lập một bản bà T giữ. Sau khi nhận đủ số tiền 3.000.000.000 đồng tại bà T, cùng ngày bà T1 đã đến ngân hàng N (viết tắt là A1)

chuyển toàn bộ số tiền 3.000.000.000 đồng vào số tài khoản 3505205004975 mang tên Vương Thị D tại ngân hàng N chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Dương. Bà T1 được biết khi vay hai bên có thỏa thuận trả lãi, còn mức lãi suất cụ thể như thế nào thì bà T1 không rõ, trong giấy vay không đề mục này (vì bà T làm nghề cho vay mượn tiền). Sau khi vay tiền của bà T thì vợ chồng bà D, ông C1 có trả được mấy tháng tiền lãi, cụ thể bao nhiêu bà T1 không nắm được. Sau đó một thời gian khoảng mấy tháng thì bà T đến nhà gặp bà T1 và đưa giấy bảo chị đi đòi tiền cho em. Thời gian sau đó thì không thấy bà T đến gặp bà T1 để đòi khoản tiền vay nói trên, chỉ đến khi Tòa án triệu tập bà T1 đến làm việc thì bà T1 mới biết là bà T khởi kiện để yêu cầu bà T1 trả khoản tiền vay nói trên.

Việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương T1 phải trả khoản tiền vay 3.000.000.000 đồng thì bà T1 không đồng ý. Bà T1 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T, vì bà không vay mượn tiền gì của bà T. Số tiền 3.000.000.000 đồng nói trên là bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C vay của bà Nguyễn Thị T nên buộc bà D, ông C phải có trách nhiệm trả cho bà T.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu Công trình B:

Vợ chồng bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Hương T1 đều là anh, chị, em trong gia đình. Vì bà Nguyễn Thị T làm nghề cho vay nên quá trình làm ăn cần tiền thì vợ chồng bà D, ông C đều hỏi vay tiền của bà T. Quá trình vay mượn đều trả gốc và lãi đúng thỏa thuận. Ngày 08/3/2019 vợ chồng bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C có nhờ bà Nguyễn Thị Hương T1 đến nhà bà Nguyễn Thị T để nhận thay cho vợ chồng bà D, ông C số tiền 3.000.000.000 đồng mà vợ chồng đã vay của bà T, rồi chuyển khoản vào cho vợ chồng bà D, ông C thì được bà T1 đồng ý. Sau đó cùng ngày bà T1 đã chuyển đầy đủ số tiền nói trên vào tài khoản của bà Vương Thị D. Trước khi vay, vợ chồng bà D, ông C và bà T đã thống nhất số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng và tiền lãi mỗi tháng 135.000.000 đồng/3.000.000.000đ. Sau khi vay số tiền trên thì vợ chồng bà D, ông C trả lãi đầy đủ 03 tháng với tổng số tiền 410.000.000 đồng cho bà T. Lần thứ nhất, trả vào ngày 10/4/2019 chuyển khoản vào số tài khoản của chị Trần Thị Tuyết L1 (con bà T) số tiền 135.000.000 đồng; Lần thứ hai, trả tiền lãi tháng tiếp theo số tiền 135.000.000 đồng, ngày cụ thể bà D, ông C không nhớ nhưng vào tháng 5/2019 trả bằng tiền mặt, không ghi giấy trả nợ; Lần thứ ba, trả lãi tháng tiếp theo vào ngày 05/6/2019. Do vợ chồng bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C cần thêm tiền để làm ăn nên hỏi mượn thêm tiền của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng thì được bà T đồng ý. Vợ chồng bà D, ông C thống nhất trừ số tiền lãi của tháng thứ 3 vào số tiền 1.000.000.000 đồng đã mượn. Sau đó, bà T nhờ con dâu là chị Trần Thị Như Q chuyển qua số tài khoản 3505205004975 mang tên Vương Thị D tại ngân hàng N chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/6/2019. Số tiền hiện nay bà D, ông C còn nợ của bà T là 4.000.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền gốc trên vợ chồng bà D, ông C cam kết có trách nhiệm trả nợ đầy đủ cho bà T.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Tuyết L1 trình bày:

Chị Trần Thị Tuyết L1 và bà Vương Thị D không quen biết nhau. Số tài khoản 0201000559452 tại ngân hàng V mang tên Trần Thị Tuyết L1 là tài khoản của chị L1 sử dụng. Ngày 10/04/2019 bà Vương Thị D có chuyển số tiền 135.000.000 đồng vào tài khoản của chị L1. Giữa chị L1 với bà Vương Thị D không ai nợ nần gì nhau. Do số tiền này chuyển khoản đã lâu nên chị L1 không nhớ là chuyển nhằm mục đích gì. Thời gian năm 2019, mẹ chị L1 là bà Nguyễn Thị T không sử dụng tài khoản ngân hàng nên thỉnh thoảng có một số người giao dịch tiền với bà T thông qua tài khoản của chị L1. Sau đó chị L1 đã giao lại số tiền này cho bà T, còn nội dung là tiền gì chị L1 không nắm được. Công việc của bà T làm ăn như thế nào chị L1 không biết. Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H Trà thanh toán số nợ trên chị L1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc của chị L1 bận rộn, không có thời gian nên chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS - ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 2 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ các Điều 116, Điều 127, Điều 131, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3,6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết L1.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thi T; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thi Hương T1.

3. Tuyên bố: Giao dịch dân sự mượn tiền lập ngày 08/3/2019 giữa bên cho mượn tiền bà Nguyễn Thi T với bên mượn tiền bà Nguyễn Thị Hương T1 là vô hiệu.

4. Buộc bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000.000 đồng. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C không thi hành được, thì hàng tháng bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 03/10/2024 bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm toàn bộ bản án. Lý do kháng

cáo: Việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa xem xét, đánh giá hết các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, cho rằng bản án sơ thẩm tuyên không đúng, vì giao dịch dân sự giữa bà T và bà T1 là hợp pháp, bà T1 là người mượn tiền, hiểu rõ nội dung và không bị ai ép buộc và ký vào giấy mượn tiền ngày 08/3/2019, bà T1 là người nhận tiền. Bà T1 cho rằng bà nhận thay bà D ông C nhưng không chứng minh được; cấp sơ thẩm cho rằng giao dịch dân sự giữa bà T và bà T1 vô hiệu do bị lừa dối nhưng giao dịch dân sự giữa bà T và T1 là tự nguyện, tự nguyện nhận tiền, ký tên vào giấy mượn tiền, nên nay hết thời hạn cho mượn bà T1 phải trả tiền cho bà T.

Bị đơn không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự. Sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, HĐXX thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án "Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản" để thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Tuyết L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trong thời hạn luật định và thuộc người có quyền kháng cáo nên được xem xét theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật TTDS năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét giấy mượn tiền đề ngày 08/3/2019 giữa bà Nguyễn Thị Hương T1 với bà Nguyễn Thị Tuyết .

[3.1] Về hình thức giấy mượn tiền: Tại đơn khởi kiện, cùng các tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án, nguyên đơn photo kèm theo 01 bản giấy mượn tiền đề ngày 08/3/2019 đối chiếu với bản chính được nộp sau khi thụ lý, giải quyết vụ án thì có sự khác nhau. Tại mục Chữ ký người cho mượn, bản pho to gửi kèm theo đơn khởi kiện thì người cho mượn không ký, người mượn tiền ký tá đầy đủ. Tại bản gốc nộp sau khi thụ lý vụ án thì ở phần mục nói trên bên người cho mượn và người mượn tiền đều ký tá đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không giải thích được lý do vì sao cùng 01 giấy vay tiền do chính nguyên đơn nộp nhưng có sự khác nhau. Theo trình bày của bị đơn, giấy này là một mẫu giấy đã được bà T đánh sẵn, các bên chỉ cần điền thông tin còn thiếu. Khi nhận tiền thay cho vợ chồng bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C, bà T1 có thắc mắc là bà không mượn tiền sao lại đề giấy mượn tiền thì bà T trả lời không liên quan gì đến chị T1, bà chỉ ký nhận tiền thôi nên bà T1 tin tưởng ký vào giấy nói trên và đề nghị bà T ghi thêm vào nội dung tại mục tên tôi là: Nguyễn Thị Hương T1 "Nhận cho Công D1", nghĩa là số tiền trên bà T1 nhận thay cho vợ chồng bà D1, ông C vay của bà T. Tuy nhiên, giấy này chỉ lập một bản, bà T giữ, sau đó tại mục nói trên bà T đã viết chèn lên phía trên thêm chữ "vay" thành "Nhận vay cho Công D1". Bà T lý giải đây là bà T1 vay tiền của bà T, còn việc bà T1 sử dụng số tiền đó vào mục đích gì bà T không cần biết lý do.

Về hình thức giấy mượn tiền nói trên có chèn chữ, ghi thêm một số nội dung, thể hiện sự không rõ ràng, thiếu minh bạch làm cho bên ký kết hiểu sai lệch về chủ thể ký kết giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó là có căn cứ.

[3.2] Xét khoản tiền vay, mục đích vay tiền và quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị H Trà thừa nhận ngày 8/3/2019 có nhận từ bà Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000.000 đồng, cùng ngày bà T1 đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 3505205004975 mang tên Vương Thị D tại A1 chi nhánh huyện P, tỉnh Bình Dương. Tại giấy chuyển tiền nói trên có nội dung "T2 chuyển T đến Công Dung"; bà D, ông C cũng thừa nhận đây là khoản tiền vợ chồng ông, bà vay của bà T và nhờ bà T1 đến nhận thay để chuyển vào tài khoản cho vợ chồng ông, bà. Số tiền trên bà D, ông C đã nhận được đầy đủ. Theo bà D, ông C thì bà T1 không làm ăn kinh doanh gì với bà T, cũng không có nhu cầu sử dụng nguồn vốn lớn như vậy. Thời điểm đó vợ chồng bà D, ông C kinh doanh bất động sản, bà T làm nghề cho vay tiền nên bà D, ông C nhiều lần vay tiền của bà T, ngoài khoản vay nói trên thì hiện nay ông C, bà D còn có khoản vay thêm 1.000.000.000 đồng của bà T cũng chưa thanh toán. Như vậy, căn cứ vào các lời khai của các bên đương sự, phiếu chuyển tiền và nội dung chuyển tiền được ghi trên phiếu chuyển tiền, mục đích mượn tiền theo lời khai của đương sự thì có cơ sở xác định bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C là người nhận tiền và sử dụng tiền của bà Nguyễn Thị Tuyết .

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay, các bên đương sự đều xác nhận khoản tiền mượn gốc là 3.000.000.000 đồng, hiện chưa thanh toán cho bên cho mượn tiền là bà Nguyễn Thị Tuyết . Theo bà Vương Thị D, mặc dù trong giấy mượn tiền không đề cập đến tiền lãi nhưng thực tế thì các bên có thỏa thuận khoản tiền lãi đối với khoản tiền vay nói trên, bởi bà T làm dịch vụ cho vay nên không có việc không tính lãi.

Khi vay, thống nhất tiền lãi mỗi tháng là 135.000.000 đồng/3 tỷ đồng và đã trả được ba tháng với tổng số tiền 410.000.000 đồng. Lần thứ nhất, trả vào ngày 10/4/2019 chuyển khoản vào số tài khoản của chị Trần Thị Tuyết L1 (con bà T) số tiền 135.000.000 đồng; lần thứ hai, trả tiền lãi tháng tiếp theo số tiền 135.000.000 đồng, ngày cụ thể bà D, ông C không nhớ nhưng vào tháng 5/2019 trả bằng tiền mặt, không ghi giấy trả nợ; lần thứ ba, trả lãi tháng tiếp theo vào ngày 05/6/2019 được trừ vào số tiền vay thêm 1.000.000.000 đồng (số tiền này bà T nhờ con dâu là Trần Thị Như Q chuyển vào tài khoản cho bà Vương Thị D ngày 05/6/2019), bà Vương Thị D cung cấp lịch trình chuyển khoản tại ngân hàng của mình thể hiện, ngày 10/4/2019, bà D có chuyển vào số tài khoản số 0201000559452 ngân hàng V mang tên Trần Thị Tuyết L1 (là con đẻ của bà T) số tiền 135.000.000 đồng. Chị L1 khẳng định đây đúng là tài khoản của mình, thời gian đó chị có nhận được khoản tiền trên. Tuy nhiên, chị L1 không làm ăn, không vay mượn hay cho chị Vương Thị D vay mượn khoản tiền gì. Thời gian này do bà T không sử dụng tài khoản nên thỉnh thoảng giao dịch tiền bà T có nhờ chị chuyển hộ, còn nội dung tiền gì thì chị L1 không biết. Số tiền trên chị đã chuyển cho bà T đầy đủ. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cũng khẳng định bà không sử dụng tài khoản, thỉnh thoảng chuyển tiền thì nhờ các con chuyển hộ; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng số tiền trên là trả lãi của khoản vay 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến ngày 5/6/2019 thì chị D mới vay số tiền 1 tỷ đồng của bà T, số tiền này bà T nhờ con dâu là Trần Thị Như Q chuyển vào tài khoản cho chị D (có trừ khoản tiền lãi của tháng thứ 3). Như vậy, việc nguyên đơn trình bày số tiền 135.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 1 tỷ đồng là không phù hợp về mặt thời gian trả tiền lãi. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, lịch sử chuyển tiền qua tài khoản của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì khoản tiền 3.000.000.000 đồng mà bà D, ông Công mượn của bà Nguyễn Thị T, mặc dù trong giấy mượn tiền không đề cập đến tiền lãi, nhưng thực tế việc vay mượn có tính lãi. Số tiền 135.000.000 đồng mà bà Vương Thị D chuyển vào tài khoản cho chị Trần Thị Tuyết L1 là để trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T đối với khoản vay 3 tỷ đồng là có căn cứ, phù hợp. Do các bên đương sự không có tranh chấp về khoản tiền trả lãi và không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Xét thấy bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C là người nhận tiền, sử dụng tiền và trực tiếp trả khoản tiền lãi vay cho bà Nguyễn Thị T nên có căn cứ xác định bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C là người mượn tiền của bà Nguyễn Thị Tuyết . Bà Nguyễn Thị Hương T1 chỉ là người nhận hộ khoản tiền vay để chuyển cho người vay bà D, ông C.

Tuy nhiên, trong Giấy mượn tiền đề ngày 08/3/2019 lại thể hiện bên mượn là Nguyễn Thị Hương T1 là không đúng với chủ thể của giao dịch dân sự. Do đó, giao dịch dân sự trên giữa bà T1 với bà T là vô hiệu do bị lừa dối theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự: không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập; các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do bà Vương Thị D, ông

Nguyễn Hữu C là người nhận, sử dụng khoản tiền 3.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T nên bà D, ông C có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền trên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hương T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền mượn gốc là 3.000.000.000 đồng: Do giao dịch dân sự về việc mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H Trà lập ngày 08/3/2019 là vô hiệu. Người mượn tiền, nhận tiền và sử dụng khoản tiền mượn nói trên là bà Vương Thị D và ông Nguyễn Hữu C nên việc bà T yêu cầu bà T1 phải trả lại cho bà T số tiền mượn gốc 3.000.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H Trà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền gốc 3.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Xét Quyết định của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp, việc bà Nguyễn Thị T kháng cáo đối với toàn bộ bản án là không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên toà là phù hợp.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 2 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ các Điều 116, Điều 127, Điều 131, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3,6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết L1.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thi Hương T1.

3. Tuyên bố: Giao dịch dân sự mượn tiền lập ngày 08/3/2019 giữa bên cho mượn tiền bà Nguyễn Thị T với bên mượn tiền bà Nguyễn Thị Hương T1 là vô hiệu.

4. Buộc bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C không thi hành được, thì hàng tháng bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 46.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001314 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh; Buộc bà Vương Thị D, ông Nguyễn Hữu C phải chịu số tiền 92.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND thành phố Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng